TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1364/2018/QĐST- HNGĐ	*Tân Phú, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1107/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1981; địa chỉ: Lê Đình T, phường T, quận T, Thành phố H.

Ông Trương Minh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Lê Đình T, phường T, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà A và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01/2007/P.TQ, ngày 29 tháng 03 năm 2007 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H cấp. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên cả hai yêu cầu cầu Tòa án thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên có 02 con chung là Trương Minh Gia B, sinh ngày 09/12/2007 và Trương Gia H, sinh ngày 02/02/2012. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng, tức mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung lần lượt trưởng thành.

[3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có.

[4] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị A và ông Trương Minh T thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Trương Minh Gia B, sinh ngày 09/12/2007 và Trương Gia H, sinh ngày 02/02/2012 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Hằng cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, tức mỗi trẻ 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi con chung lần lượt trưởng thành. Bắt đầu cấp dưỡng khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

+ Bà A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

+ Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 đồng bà A và ông T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà A và ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012076 ngày 21/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Bà A và ông T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận T;
- UBND phường T, quận T;
- Lưu; Hồ sơ việc dân sự

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh H